BBT. CHÙA TỰ TÂM BMT
CHUATUTAM.NET

LƯỢC SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

[illegible]

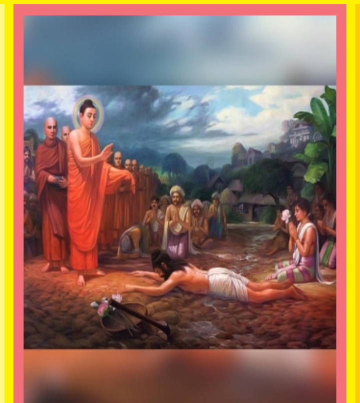

[illegible]

[illegible]

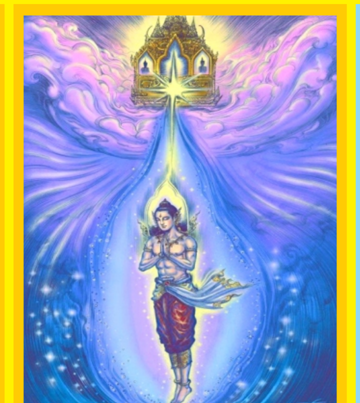

[illegible]

[illegible]

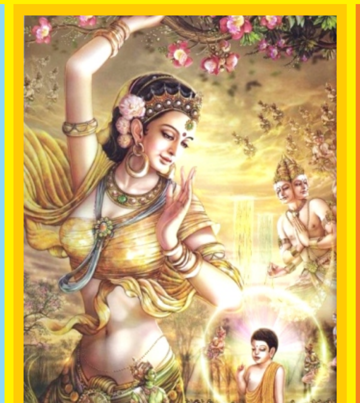

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Thái tử Tất Đạt Đa lớn lên là người trầm tư, hay tìm những nơi thanh tịnh để thiền định. Một hôm trong ngày lễ Hạ Điền, ngài thấy người nông dân cầm roi đánh con trâu đang nặng nhọc kéo cày phía trước. Lưỡi cày xới tung đất lên cuốn theo những con trùng, có con bị nắng thiêu đốt, có con bị lưỡi cày cắt thành nhiều đoạn đang quằn quại. Lại có những con chim nhỏ bay xuống gắp lấy những con trùng đang giãy giụa trên những luống đất mới cày, rồi lại có những con chim lớn đuổi bắt những con chim nhỏ. Cũng trong lúc ấy, trong bụi rậm người thợ săn đang nhắm bắn những con chim kia, và trong khu rừng gần đấy, bọn hổ báo đang rình bắt người thợ săn. Thật là một cảnh tương tàn tương sát, không phút giây nào ngừng! Chỉ vì miếng ăn để sống mà người và vật dùng đủ mọi phương kế để giết hại lẫn nhau không biết gớm. Ngài nhận thức rõ ràng sự sinh sống là khổ. Ngài cảm thấy buồn thương với những điều mình vừa trông thấy, nên đã ra một gốc cây to để thiền định. Trước cảnh tượng uy nghiêm ấy, vua cha và mọi người đã đảnh lễ Thái Tử lần thứ hai.

Thái tử Tất Đạt Đa được nuôi dạy rất chu đáo về cả văn lẫn võ. Với sự thông minh và sức mạnh phi thường của mình, đến năm 12 tuổi ngài đã thông thạo tất cả các học vấn. Từ năm 13 tuổi ngày được truyền thụ võ nghệ. Ngài có sở trường bắn cung rất thiện xạ. Trong một lần trong một cuộc thi bắn cung, ngài đã nâng được chiếc cung rất nặng mà từ trước đến giờ chưa ai nâng nổi và bắn xuyên qua 7 lớp bia đồng trong khi người giỏi nhất cũng chỉ bắn xuyên được 3 lớp.

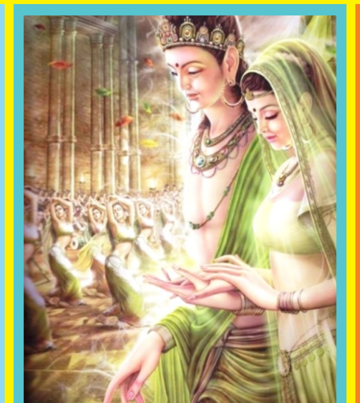

Sau khi giành chiến thắng trong cuộc thi tuyển chọn phò mã. Ngài đã kết hôn với công chúa Da Du Đà La (Yasodharã) con vua Thiện Giác thuộc dòng tộc Câu Lợi ở phương Bắc, một công chúa tuyệt đẹp và đức hạnh vô cùng, lúc ấy ngài được 16 tuổi.

Càng thương yêu, quý trọng con, Tịnh Phạn Vương lại càng lo sợ con mình sẽ không ở lại với mình, mà sẽ xuất gia tìm đạo để thành một vị thánh, như lời tiên đoán của đạo sĩ A-tư-đà. Nhất là khi nhận thấy càng lớn, thái tử lại càng có vẻ suy nghĩ xa xăm, và nét mặt thái tử lại không được vui tươi như thời thơ ấu, vua Tịnh-Phạn lại càng lo sợ rằng lời tiên tri xưa sẽ thực hiện. Bởi thế, vua cùng triều thần ngấm ngầm sắp đặt mọi kế hoạch để ràng buộc thái tử ở lại ngôi báu. Ngài cho xây dựng ba tòa lâu đài nguy nga tráng lệ để Thái tử thay đổi nơi ăn chốn ở cho hợp thời tiết quanh năm, và chọn hàng trăm cung phi mỹ nữ có tài đàn ca hay, múa giỏi để giải khuây cho Thái tử.

Một hôm, Ngài xin phép Vua cha đi dạo ngoài bốn cửa thành để được tiếp xúc với thần dân. Ra đến cửa Đông, Ngài gặp một ông già tóc bạc, răng rụng, mắt lờ, tai điếc, lưng còng, nương gậy lần từng bước ngập ngừng như sắp ngã. Đến cửa Nam, thái tử thấy một người đau nằm trên cỏ, đang khóc than rên xiết, đau đớn vô cùng. Đến cửa Tây, Ngài trông thấy một cái thây chết nằm giữa đường, ruồi lằng bu bám, và sình lên, trông rất ghê tởm. Ba cảnh khổ già, đau, chết, cộng thêm vào cái ấn tượng tương tàn trong cuộc sống mà thái tử đã nhận thấy khi đi xem lễ cày ruộng, làm cho Ngài đau buồn, thương xót chúng sinh vô cùng. Ngài ra cửa Bắc, gặp một vị tu sĩ tướng mạo nghiêm trang, điềm tĩnh, và thản nhiên như người vô sự đi ngang qua đường. Thái tử thấy trong lòng nẩy sinh một cảm mến đối với vị tu sĩ. Ngài vội vã đến chào mừng và hỏi về ích lợi của sự tu hành. Vị sa môn đáp rằng: "Tôi tu hành là quyết bỏ dứt mọi sự ràng buộc của cõi đời, để cầu cho mình khỏi khổ và được thành chánh giác để phổ độ chúng sinh đều được giải thoát như mình". Lời giải đáp trúng với hoài bão mà thái tử đang ấp ủ bấy lâu, nên Ngài khôn xiết vui mừng. Ngài quay về hoàng cung xin vua cha cho mình xuất gia. Vì từ nhỏ đức vua đã tìm mọi cách đào tạo mong muốn Thái tử kế thừa vương vị, cho nên Vua Tịnh Phạn không đồng ý. Thái tử yêu cầu vua cha 4 điều nếu vua giải quyết được thì Ngài hoãn việc đi tu, để trở lại lo chăn dân, trị nước. Bốn điều này là:

1. Làm sao cho con trẻ mãi không già
2. Làm sao cho con mạnh mãi không đau
3. Làm sao cho con sống hoài không chết
4. Làm sao cho mọi người hết khổ

Bốn điều này làm cho vua cha bối rối, không thể giải quyết được điều nào cả.

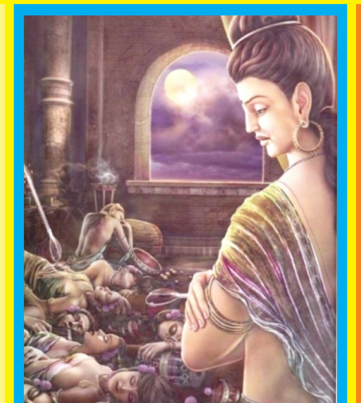

Tịnh Phạn vương, khi biết được ý định xuất gia của thái tử, lại càng lo sợ, lại tìm hết cách để ngăn cản, ràng buộc Ngài trong "cung vui". Một đêm khuya, sau cuộc vui ca múa hát, Ngài nhìn thấy các cung nữ say sưa, thân thể lõa lồ, nằm ngổn ngang trong phòng khiến ngài cảm thấy sự ô uế của con người. Khiến thái tử càng kiên định hơn với ý chí xuất gia của Ngài.

Qua bao nhiêu sự việc, ngài quyết định ra đi tìm đường giải thoát. Ngài đến phòng của mình, từ biệt người vợ yêu dấu Da Du Đà La lần cuối trước khi lên đường tìm chân lý đạo mầu.

Thế rồi ngài đã cỡi con ngựa Kiền Trắc (Kantaka) cùng với người nô bộc của mình là Xa Nặc (Channa) bỏ lại kinh thành ra đi vào giữa đêm khuya. Lúc bấy giờ nhằm đêm mồng 8 tháng 2, khi ấy Ngài được 19 tuổi.

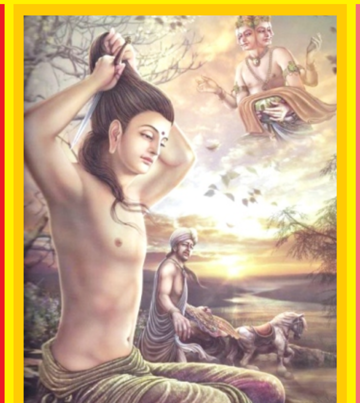

Sau khi vứt bỏ cuộc đời vương giả, Thái tử đi vào rừng sâu tìm đạo. Khi đến bờ sông Anoma, ngài đã cắt tóc, trao lại ngựa, tháo bỏ tất cả trang sức quần áo đưa cho Xa Nặc và kêu Xa Mặc trở về.

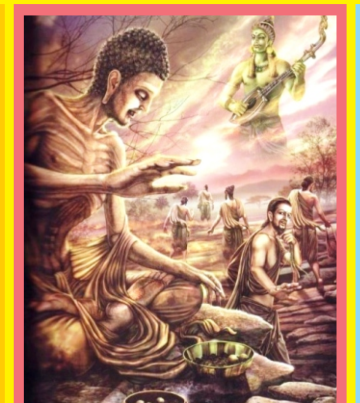

Sau khi đã thọ giáo hết với 2 vị thầy đầu tiên là đạo sĩ Alara Kalama và Uddaka Ramaputta ngài đã đến một khu rừng để tu ép xác khổ hạnh cùng với 5 anh em Kiều Trần Như (Kondana). Sau 6 năm tu ép xác, thân thể ngài càng suy nhược, yếu ớt tưởng chừng sắp chết. Đến khi ngài nghe được tiếng đàn của đấng Phạm Thiên, tiếng đàn như lời khai thị, phải biết quy luật của âm điệu, dây quá căng đàn sẽ đứt, lên dây chùng quá sẽ lạc điệu, dây căng vừa phải thì âm thanh mới trầm bổng, du dương. Khiến Ngài liên tưởng đến con đường Trung Đạo - không quá lợi dưỡng cũng không quá khổ hạnh. Ngài đã ăn uống bình thường trở lại. Điều này khiến cho 5 anh em Kiều Trần Như thất vọng và đã bỏ Ngài để ra đi tìm nơi khác tiếp tục ép xác tu hành.

Mục nữ Sujãtã- là người chăn cừu thấy Ngài sức khoẻ suy kiệt nên đã đến dâng bát cháo sữa cúng dường. Ngài đã thọ nhận bát cháo, dùng xong cảm thấy tinh thần minh mẫn.

Sau đó, Ngài ném bát xuống sông Ni-liên-thuyền (Naranjana) và nguyện rằng: "Nếu ta có thể chứng đắc Phật quả thì khi ta ném chiếc bát này xuống sông, nó trôi ngược dòng nước". Nói xong Ngài ném chiếc bát xuống dòng sông, chiếc bát nổi lên mặt nước và trôi ngược dòng. Sau khi gội rửa than thể, ngài đã băng qua dòng nước và được anh nông dân cúng dường bó cỏ Kusa (một loại cỏ thơm), Ngài bèn dùng bó cỏ làm gối lót tọa thiền. Khi thấy mình đã đầy đủ sức lực để chiến đấu trong trận cuối cùng với bóng tối si mê và dục vọng, và đem lại ánh sáng giác ngộ, Ngài đến ngồi dưới gốc gốc cây Bồ Đề (Boddhi) mà phát nguyện: "Nếu ta không đạt thành đạo quả thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này."

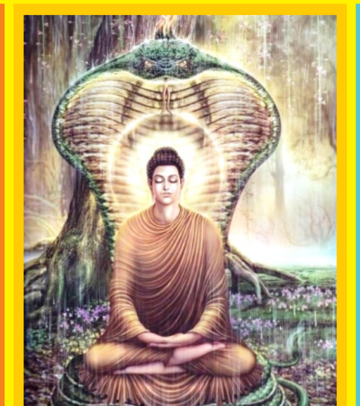

Khi ngài đang ngồi thiền thì bất chợt có một cơn mưa trái mùa rất lớn. Thần rắn Naga liền bò ra khỏi hang, quấn mình quanh chổ ngồi của ngài 7 vòng để nâng ngài lên và dùng đầu của mình để che mưa cho Ngài.

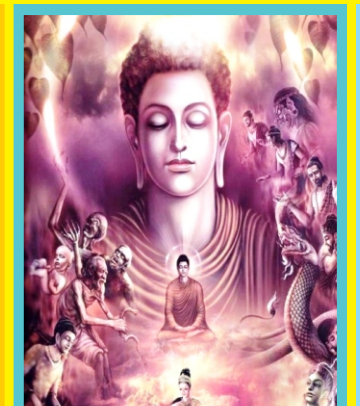

Ngài đã ngồi quán tưởng các duyên khởi, nhìn thấy được các kiếp trước của mình, của chúng sanh, sự hình thành và hủy diệt của thế giới, của nhiều thế giới.

Ma vương Vasavatti cùng đoàn tùy tùng đã đến quấy nhiễu ngài. Một vị nữ thần từ trong lòng đất đã đánh bại ma vương để hộ pháp cho ngài. Nhờ tu tập pháp độ trong nhiều kiếp nên ngài đã nhiếp phục ma vương một cách dễ dàng. Cuối cùng ma vương cũng bị khuất phục và thành tâm đảnh lễ với ngài.

Trong đêm thứ 49, vào canh hai, Ngài chứng được quả "Túc Mệnh Minh", thấy rõ được tất cả khoảng đời quá khứ của mình trong tam giới. Đến nửa đêm, Ngài chứng được quả "Thiên Nhãn Minh", thấy được tất cả bản thể của vũ trụ và nguyên nhân cấu tạo của nó. Đến canh tư, Ngài chứng được quả "Lậu Tận Minh" rõ biết nguồn gốc của khổ đau và phương pháp dứt trừ khổ đau (khổ, tập, diệt, đạo) để được giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Vào ngày 8 tháng 12 Âm lịch năm 588 TCN, khi sao mai vừa mọc. Sau khi thắng được cả giặc ở nội tâm lẫn ngoại cảnh, tâm trí được khai thông, Ngài hốt nhiên đại ngộ, chứng quả Vô Thượng Bồ đề, thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni (Sàkyamuni). Lúc ấy Ngài được 30 tuổi.

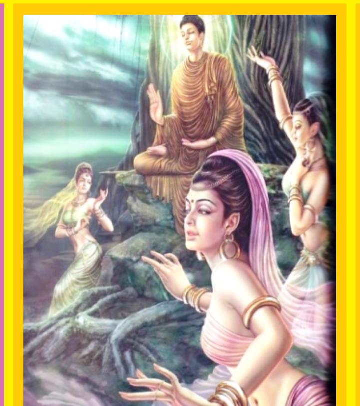

Ba người con gái của Ma vương vẫn không buông tha cho ngài và lại tìm cách quyến rũ ngài nhưng họ đều thất bại trước một vị toàn giác như Ngài. Kinh điển ghi lại rằng trong bảy tuần hay bốn mươi chín ngày sau khi giác ngộ. Tuần đầu tiên Đức Phật an trụ trong thiền định, chân xếp chéo trong tư thế liên hoa, tĩnh trụ tâm an trú hưởng thọ Pháp lạc sau khi chứng ngộ. Vào tuần thứ hai sau khi đạt giác ngộ, Đức Phật hướng mắt nhìn và lạy tạ cây Bồ đề để tỏ lòng biết ơn cây đã che nắng che mưa cho Ngài suốt 49 ngày tư duy thiền định... Theo phán giáo của Thiên Thai Trí Giả đại sư, sau khi Đức Phật thành đạo (49 ngày sau khi giác ngộ) Ngài thuyết kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi mốt ngày cho hàng Bồ tát và sau đó Ngài đến Lộc Uyển độ năm anh em Kiều Trần Như, bắt đầu lập giáo khai tông.

Theo kinh Ãriyapariyesana, sau khi thành đạo, Đức Phật băn khoăn có nên chuyển bánh xe pháp hay thị hiện Niết bàn. Bởi Ngài chiêm nghiệm pháp do Ngài mới chứng được là sâu thẳm, vi diệu, cao quý, siêu lý luận, chỉ có người trí mới thấu hiểu; phần nhiều chúng sinh vì đam mê ái dục, căn cơ sai-khác dị-đồng rất khó mà giáo hóa, khó mà thấy được pháp lý duyên khởi, khó mà thấy được chân lý tất cả hành là tịch tịnh... Một giáo pháp cao siêu chỉ có người trí mới thấu hiểu, chỉ có những con người ly trần diệt nhiễm mới liễu ngộ thì thử hỏi ở thế gian được bao nhiêu người?

Biết được tâm ý Ngài, Đấng Đại Phạm Thiên Sahampati đã cầu xin Đức Phật đem chánh pháp giáo hóa chúng sanh. Khi mà vị Đại Phạm thiên thưa thỉnh ba lần hợp pháp rồi, Đức Thế Tôn mới quán căn duyên của chúng sanh. Ngài thấy rằng, như hoa sen nở ở trong hồ, cái đang còn chìm ẩn trong bùn, cái đang còn chìm dưới nước, cái đã trồi ngang mặt nước, cái thì đã vươn lên khỏi mặt nước để đón nhận ánh sáng mặt trời, phô thắm sắc và tỏa ngát hương. Cũng vậy, chúng sanh ngu trí khác nhau. Có loại chúng sanh đang bị chìm sâu trong bùn dơ ngũ dục. Có loại chúng sanh tuy đã ra khỏi bùn nhưng còn chìm trong nước. Có loại chúng sanh đã trồi ngang mặt nước. Có loại chúng sanh căn cơ thượng đẳng, đã vươn lên khỏi mặt nước. Loại chúng sanh này ít bụi cát trong mắt, có thể phủi sạch để thấy được Giáo Pháp mầu nhiệm cao siêu, đón nhận được ánh sáng tuệ giác để giải thoát sinh tử trầm luân! Đức Phật đã nhận lời chuyển pháp luân, hóa độ chúng sinh.

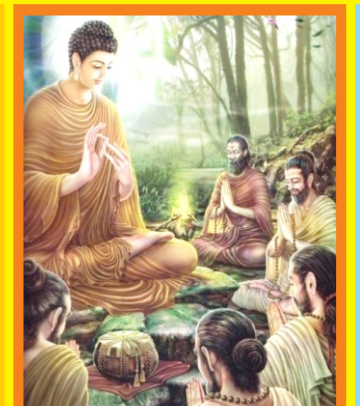

Hai anh em thương buôn người Miến Điện - Tapussa và Bhallika là người đầu tiên dâng lễ cúng dường vật thực đến Đức Phật sau ngày thành đạo, sau đó cả hai được quy y nhị bảo - trở thành Phật tử tại gia đầu tiên. Đức Phật tặng cho họ ít sợi tóc kỷ niệm, để hằng ngày luôn luôn tâm niệm, lễ bái cúng dường, làm cho mọi thiện pháp được tăng trưởng.

Đức Phật đã chuyển pháp luân đầu tiên tại Lộc Uyển (vườn Nai - Sarnath) gần thành Ba La Nại (Benares). Ngài đã giảng bài pháp đầu tiên là Tứ Diệu Đế cho năm anh em Kiều Trần Như. Sau này cả năm người này đều đắc quả A-la-hán. Như vậy, Tam bảo: Phật - Pháp - Tăng được hình thành từ đây. Sau đó, Ngài tiếp tục hóa độ và thâu nhiếp tôn giả Yasa cùng 54 người khác gia nhập Tăng đoàn tại thành phố Ba La Nại. Khi Tăng đoàn lên đến 60 vị, đều là A La Hán, đức Phật khuyên họ: "Này các Tỳ-kheo, mỗi người nên đi một đường. Hai người không nên đi trùng hướng nhau để mang lại hạnh phúc, an lạc cho số đông, cho chư Thiên và loài Người".

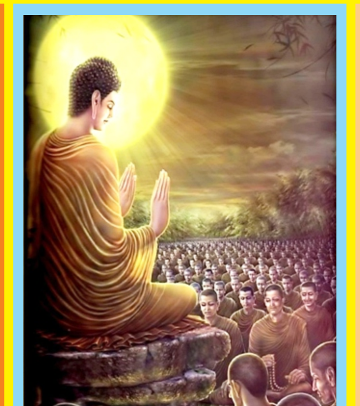

Vào ngày Magha (rằm tháng 6) Đức Phật đã giáo giới cho 1250 vị Tỳ kheo. Nội dung tóm tắt là: "Không làm các điều ác. Siêng làm các việc lành. Giữ tâm ý trong sạch. Chư Phật đều dạy thế".

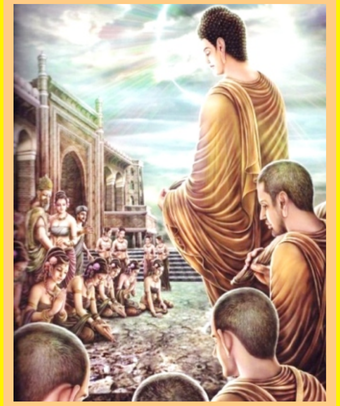

Thân phụ của Đức Phật là vua Tịnh Phạn đã già yếu. Nghe tin Ngài giảng pháp ở thành Vương Xá (Rajagaha), vua bèn sai sứ giả đến mời Đức Phật về thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu). Cả 9 vị sứ giả vua sai đi khi đến nơi thì đều nghe được Phật thuyết pháp, xin xuất gia và thành quả A-la-hán. Đến vị sứ giả thứ 10 đến (vị này tên là Kaludayi vốn trước đây từng là bạn thân của ngài, khi ngài còn là thái tử), sau khi nghe Phật thuyết pháp cũng xin xuất gia và đắc quả A-la-hán nhưng cũng không quên chuyển lời của vua Tịnh Phạn đến Đức Phật. Đức Phật nghe xong đã nhận lời và cùng các thánh đệ tử lên đường về thăm gia đình. Trên đường dài từ thành Vương Xá đến Ca Tỳ La Vệ, ngài chia từng chặng ngắn, vừa đi vừa thuyết pháp, hai tháng sau đã đến hoàng cung. Khi đức Phật đến nơi, các vị cao niên ngã mạn dòng Thích Ca nghĩ rằng: "Vị đạo sĩ kia chẳng qua là em, cháu của chúng ta, nên bảo những người trẻ tuổi ra chào đón đạo sĩ, chúng ta ở phía sau, và ngồi yên một chỗ, không cần phải đảnh lễ". Để khắc phục tánh kiêu căng và cảm hoá các vị cao niên trong hoàng tộc. Đức Phật bay lên giữa lừng trời, dùng thần thông hóa phép Yamaka Patihariya (đôi thần thông lực), làm cho nước và lửa cùng lúc phát phát ra tia sáng đỏ và tia sáng xanh từ lỗ chân lông. Thấy oai thần lực của đức Phật, vua Tịnh Phạn đến đảnh lễ ngài và nói đây là sự đảnh lễ lần thứ ba. Các hoàng thân cao tuổi khác cũng đồng đứng dậy cung kính đảnh lễ đức Phật. Khi mọi người đảnh lễ xong, ngài bay xuống ngồi trên ghế bành cao đã được dọn sẵn. Vua và tất cả hoàng triều đều khiêm tốn ngồi quanh nghe Phật thuyết pháp.

Ngày thứ 2 sau khi về thăm nhà, nhà vua mở tiệc ở Hoàng cung và mời Đức Phật cùng thánh đệ tử thọ trai. Sau khi thọ trai xong, Đức Phật cùng vua cha và 2 thánh đệ tử là ngài Xá Lợi Phất (Sariputta) và ngài Mục Kiền Liên (Moggalana) đã đến phòng công chúa Da Du Đà La. Sau khi vào phòng, Đức Phật đã ngồi vào chỗ sắp sẵn. Sau khi công chúa đảnh lễ ngài, ngài đã thuyết giảng chuyện Bổn sanh Candakinnara để nói về mối liên hệ giữa ngài và công chúa. Ngài đã khen ngợi công chúa: "Không phải chỉ trong kiếp sống cuối cùng của Như Lai mà trong tiền kiếp, nàng đã bảo vệ, kính mộ và trung thành với Như Lai". Sau đó ngài đã an ủi công chúa và giã từ hoàng cung. Về sau, công chúa Da Du Đà La cũng xuất gia theo Đức Phật và đã đắc quả A-la-hán.

Ngài thứ 3 sau khi về thăm nhà của Đức Phật cũng chính là ngày cưới của hoàng tử Nanda. Trong lễ cưới Đức Phật trao cho Nanda chiếc bát, đọc kinh cầu phúc rồi ngài vờ như quên thâu lại và đi về tinh xá. Nanda vì kính nể Đức Phật nên phải ôm bát đi theo. Về đến tinh xá, Đức Phật hỏi Nanda có muốn xuất gia hay không ?. Nanda vì nể nang anh mình nên đã miễn cưỡng đồng ý nhưng trong lòng thì luôn nghĩ đến người vợ trẻ đẹp mới cưới của mình. Đức Phật biết điều này nên đã dùng thần thông dẫn Nanda đi dạo lên cõi trời. Trên đường đi Nanda thấy có một con khỉ cái lông trên mình đã bị cháy xém bám trên một cành cây. Khi lên đến cung trời Đâu Suất, Nanda lại thấy có vô số tiên nữ với vẻ đẹp tuyệt vời. Đức Phật chỉ đám tiên nữ và hỏi Nanda: "Này Nanda, so với những tiên nữ này thì vợ mới cưới của ngươi thế nào ?". Nanda đáp rằng: "Nếu đem so với những tiên nữ này thì cô ấy giống như con khỉ cái bị cháy đang cố bám lấy cành cây khô". Đức Phật lại bảo Nanda: "Nếu ngươi kiên trì thực hành giáo huấn thì sau này ngươi sẽ có nhiều cung tần mỹ nữ đẹp như thế này". Nanda nghe nói thế trong lòng phấn chấn và cố công tu tập nhưng ngài đã bị các vị Tỳ kheo khác chê cười vì mục đích tu tập tầm thường của mình. Ngài đã tỉnh ngộ, nhận thức được mục đích thấp hèn của mình nên ngài đã gạt bỏ những tư tưởng xấu xa, tinh tấn nổ lực tu tập. Về sau ngài chứng được quả A-la-hán.

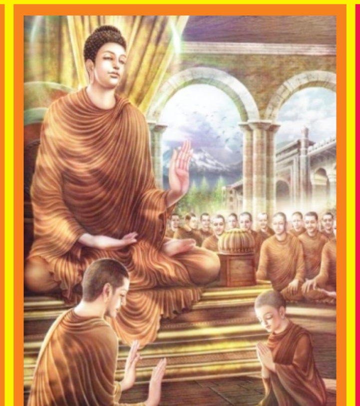

Vào ngày thứ 7 khi Đức Phật lưu lại quê nhà, công chúa Da Du Đà La đã mặc y phục đàng hoàng cho La Hầu La (Rahula) và chỉ vào Đức Phật mà bảo La Hầu La hãy đến xin tài sản của cha con đi. La Hầu La lúc ấy còn nhỏ tuổi, là con trai duy nhất của Thái tử Tất Đạt Đa (sau này là Đức Phật), đã đến bên Đức Phật và bạch rằng: "Xin ngài hãy trao tài sản của ngài cho con vì tài sản của ngài cũng là của con". Đức Phật nghĩ thầm: "Nó muốn gia tài của cha, nhưng tài sản trong thế gian quả thật đầy phiền não. Như Lai sẽ ban cho nó gia tài cao thượng gồm bảy phần - (Thất thánh tài - 7 Thánh pháp để thành tựu Phật đạo. Đó là: Tín, Giới, Tàm, Quí, Văn, Thí và Tuệ) mà Như Lai đã thâu đạt dưới cội bồ đề. Như Lai sẽ giúp cho nó trở thành sở hữu chủ của một gia tài siêu thế". Thế rồi ngài làm lễ xuất gia cho La Hầu La và cho theo ngài Xá Lợi Phất thọ giáo. Ngài là vị Sa-di đầu tiên trong lịch sử Tăng-già Phật giáo.

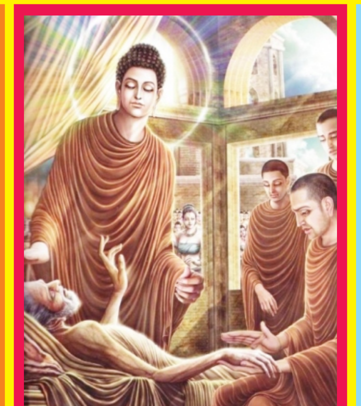

Khi vua Tịnh Phạn hấp hối, Đức Phật đã đến bên giường bệnh và giảng pháp lần cuối cùng cho vua cha. Vua Tịnh Phạn nghe xong liền đắc Thánh quả. Sau khi hưởng sự an lạc trên trần thế được 7 ngày, vua Tịnh Phạn nhập Niết bàn.

Trong một mùa an cư kết hạ tại Kỳ Viên tịnh xá. Đức Phật đã dùng thần thông để lên cung trời Đao Lợi giảng Vi Diệu pháp (Kinh Địa Tạng) độ cho Phật mẫu là hoàng hậu Ma Da. Cho nên mùa an cư này ngài vắng bóng mấy tháng. Tôn giải Ananda chiết nhánh cây bồ đề tại nơi Phật thành đạo, trồng nơi tinh xá Kỳ Viên. Đệ tử chiêm ngưỡng và đảnh lễ cây khi Ngài vắng bóng, để nhớ đến cũng xem như Ngài đang hiện hữu.

Đức Phật từ cung trời Đao Lợi trở về thế gian, các hàng chư thiên ra đưa tiễn rất đông.

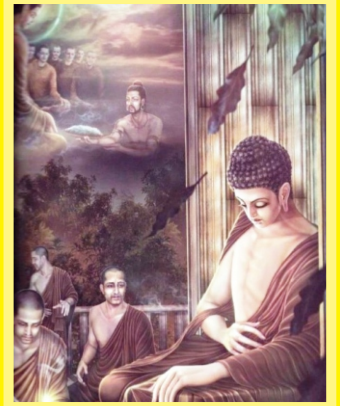

Khi tròn 80 tuổi, Đức Phật biết việc thuyết pháp giáo hóa chúng sinh của mình đã viên mãn, đó là lúc Như Lai sẽ nhập Niết bàn. Ngài đã nói với ngài A Nan là ba tháng nữa ngài sẽ nhập diệt. A Nan thành khẩn cầu xin Đức Phật sống thêm một kiếp nữa nhưng Đức Phật đã từ chối và giảng pháp vô thường. Từ thành Tỳ Xá Ly (Vaisali) Đức Phật đã cùng với A Nan và các thánh chúng đệ tử đi đến thành Câu Thi Na (Kushinagar). Trên đường đi Đức Phật đã thuyết pháp giáo độ chúng sanh rất nhiều. Khi đến Pava, Đức Phật và thánh đệ tử được người thợ rèn tên là Thuần Đà (Cunda) thiết tiệc trai. Thuần Đà còn làm riêng cho Đức Phật món đặc biệt là sùkaramaddava - canh nấm rất thơm do đích thân ông vào rừng hái để cúng dường Phật. Khi dùng qua bát nấm này, Đức Phật cho biết là bát canh có lẫn một loại nấm rất độc và bảo Tôn giả A-Nan đem chôn tất cả còn lại đi chứ không cho ai dùng và nói rằng: "Chỉ có Như Lai mới ăn và tiêu hóa được thức ăn này mà thôi".

Sau khi thọ trai xong, Đức Phật đã bị kiết lỵ rất nặng. Tuy cơ thể rất mệt mỏi nhưng Đức Phật vẫn bình thản tiếp tục hành trình. Đức Phật tắm lần cuối cùng ở sông Kakutthi, và sau khi nghỉ một lát, Ngài nói với Đại đức A Nan: "Có thể có người trách Thuần Đà về bữa cơm cuối cùng dọn cho Ta, vì sau bữa ăn đó Ta sẽ nhập Niết bàn, và Thuần Đà có thể ăn năn hối hận. Nhà ngươi cần nói cho Thuần Đà biết rằng, có hai bữa ăn cúng dường cho Như Lai, đem lại công đức lớn nhất cho người cúng dường. Đó là bữa ăn cúng dường Như Lai trước giờ Như Lai thành đạo và bữa ăn cúng dường Như Lai trước giờ Như Lai nhập Niết bàn. Hãy nói cho Thuần Đà biết rằng, nhờ đã cúng dường Như Lai bữa ăn cuối cùng trước khi Như Lai nhập Niết bàn, Thuần Đà được phúc đức lớn, quả báo lớn, nhờ đó mà Thuần Đà được thọ mạng lâu dài, tái sanh ở cõi lành, giàu có, tiếng tăm, được sanh lên cõi trời và có quyền lực lớn. Này A Nan, ngươi hãy nói như vậy để loại bỏ mọi nỗi ân hận của Thuần Đà, nếu có".

Đức Phật đến vườn cây Sala ở Kushinagar, nơi có bộ tộc Mallas ở, và bảo Đại đức Ananda chuẩn bị chỗ nằm, để Đức Phật yên nghỉ, đầu hướng Bắc, nằm nghiêng mình, chân phải để trên chân trái, bình thản, tỉnh táo. Lúc này có một đạo sĩ tên là Subhadda xin vào gặp Đức Phật. Ngài A Nan đã từ chối vì nhận thấy lúc này Đức Phật đã rất mệt nhưng Đức Phật bảo A Nan cho người đạo sĩ đó vào. Sau khi nghe Phật thuyết giảng, Subhadda xin Phật xuất gia. Đây cũng là vị đệ tử cuối cùng của Đức Phật. Phật lại căn dặn A Nan và thánh chúng đệ tử gắng sức tu tập để đạt được giải thoát. Sau đó Đức Phật im lặng từ từ đi vào thiền định và nhập Niết Bàn vào năm 543 TCN. Trụ thế 80 tuổi.

Sau 5 năm tìm đạo, 6 năm khổ hạnh, 49 năm thuyết pháp độ sinh, cuối cùng công đức của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đã viên mãn. Cuộc đời vĩ đại của Đức Phật từ lúc đản sanh đến lúc nhập Niết Bàn luôn là bài học lớn có giá trị mặc dù đã trãi qua hơn 25 thế kỷ. Suốt cuộc đời hành đạo của mình, Đức Phật chỉ nhận mình là bậc Đạo sư, là người dẫn đường. Ngài luôn dạy các đệ tử: "Tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật. Trong lộ trình giác ngộ, các con hãy thắp đuốc lên mà đi. Trong đại dương luân hồi, các con hãy tự lội vào bờ giải thoát. Các con là hải đảo của chính mình. Đức Như Lai chỉ là bậc Đạo sư trên nguyên tắc".